

**BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI ĐƯỢC SỐNG
TRONG MÔI TRƯỜNG TRONG LÀNH TRƯỚC NGUY CƠ
CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**(ENSURING THE RIGHT TO LIVE IN A CLEAN ENVIRONMENT AGAINST
THE RISKS OF CLIMATE CHANGE)**

THS. VŨ THỊ NGỌC DUNG

Khoa Luật Hành chính - Nhà nước, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Quyền con người; Hiến pháp năm 2013; bảo vệ môi trường; biến đổi khí hậu; ứng phó với biến đổi khí hậu.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 07/11/2024

Hoàn thành phản biện: 07/11/2025

Duyệt đăng : 01/12/2025

Tóm tắt:

Bài viết nghiên cứu vấn đề bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành trước những nguy cơ của biến đổi khí hậu, nêu thực trạng quy định của pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật về vấn đề này ở Việt Nam, từ đó đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện.

Article Information:

Keywords: Human rights; The Constitution of 2013; environmental protection; climate change; climate change response.

Article History:

Received : 07 Nov. 2024

Review completed : 07 Nov. 2025

Approved : 01 Dec. 2025

Abstract:

This article examines the issue of ensuring the right to live in a healthy environment amidst the threats posed by climate change. It outlines the current state of legal regulations and law enforcement practices regarding this matter in Vietnam, thereby proposing several recommendations for improvement.

Quyền được sống trong môi trường trong lành là quyền được sống trong môi trường trong sạch, chất lượng và cân bằng sinh thái, an toàn và khỏe mạnh, không gây thiệt hại đến sức khỏe và hoạt động bình thường của con người¹. Đây là quyền tự nhiên của con người, là cơ sở nền tảng để thực hiện các quyền cơ bản khác như quyền sống, quyền

tiếp cận thông tin, quyền được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, quyền an sinh xã hội...

Tuyên bố của Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường và phát triển (Rio de Janeiro - 1992) khẳng định: “Con người là trung tâm của những mối quan tâm về sự phát triển lâu dài. Con người có quyền được hưởng một

¹ PGS. TS. Vũ Văn Nhiêm, *Bình luận khoa học các điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb. Hồng Đức, tr. 152.

cuộc sống hữu ích, lành mạnh và hài hòa với thiên nhiên”². Không chỉ pháp luật quốc tế mà pháp luật Việt Nam cũng rất quan tâm đến vấn đề bảo đảm quyền con người, trong đó “quyền được sống trong môi trường trong lành” đã trở thành một trong những quyền con người quan trọng được hiến định. Đây là một trong những quyền con người về môi trường³ mới được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013. Ở các bản Hiến pháp trước đây, quyền này mới chỉ được đề cập mang tính nguyên tắc trong những quy định về vấn đề môi trường. Quy định này được xem như một sự phát triển, mang tính thời sự và phù hợp với chuẩn mực chung của pháp luật quốc tế. Tuy nhiên, hiện nay, việc thực hiện quyền này còn nhiều hạn chế, bởi Việt Nam đang phải đối diện với sự xuống cấp của môi trường, đặc biệt là những thách thức từ biến đổi khí hậu (BĐKH)⁴. Vì vậy, yêu cầu bảo đảm thi hành các quy định của Hiến pháp, pháp luật về bảo vệ quyền con người được sống trong môi trường trong lành trước nguy cơ của BĐKH là vấn đề cấp thiết được đặt ra.

1. Quy định của pháp luật nhằm bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành trước nguy cơ của biến đổi khí hậu

Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH như: Chỉ thị số 35/2005/CT-TTg ngày 17/10/2005 về việc tổ chức thực hiện Nghị định thư Kyoto thuộc Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH; Quyết định

số 2139/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/12/2011 phê duyệt Chiến lược quốc gia về BĐKH; Quyết định số 43/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 09/01/2012 về việc thành lập Ủy ban quốc gia về BĐKH; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường...

Tuy nhiên, phải đến năm 2013, vấn đề bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành mới được ghi nhận trực tiếp trong Hiến pháp năm 2013 và gián tiếp trong các văn bản triển khai thi hành Hiến pháp, cụ thể: Luật Đất đai năm 2024 (có quy định về nguyên tắc sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH⁵); Luật Tài nguyên nước năm 2023 (có quy định về việc quy hoạch về tài nguyên nước; nguyên tắc cấp phép, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước gắn với bảo vệ tài nguyên nước và bảo vệ môi trường)⁶; Luật Lâm nghiệp năm 2017 (có quy định về quản lý rừng bền vững gắn với bảo vệ môi trường, nguyên tắc quy hoạch lâm nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, trách nhiệm bảo vệ rừng của toàn dân...)⁷; Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030; Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về

² Nguyên tắc số 1 của Tuyên bố Stockholm cũng nêu rõ: “Con người có quyền cơ bản được sống trong một môi trường chất lượng, cho phép cuộc sống có phẩm giá và phúc lợi mà con người có trách nhiệm long trọng bảo vệ, cải thiện cho thế hệ hôm nay và mai sau”. Xem: Các Công ước quốc tế về bảo vệ môi trường, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 11.

³ Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên (khoản 1 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020).

⁴ Tiến Đạt, *Việt Nam đang ứng phó tích cực với biến đổi khí hậu*, <https://nhandan.vn/ung-pho-tich-cuc-voi-bien-doi-khi-hau-post748273.html>, truy cập ngày 25/7/2023.

⁵ Điều 5, Điều 60 Luật Đất đai năm 2024.

⁶ Điều 12, Điều 55, Luật Tài nguyên nước năm 2023.

⁷ Điều 5, Điều 10, Điều 16, Điều 37, Điều 43 Luật Lâm nghiệp năm 2017.

chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường,... Trong đó, văn bản quan trọng nhất về bảo vệ môi trường để triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 đó chính là Luật Bảo vệ môi trường thi 7 năm sau mới được ban hành và chính thức có hiệu lực vào ngày 01/01/2022⁸. Theo đó, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 lần đầu tiên khẳng định rõ trong nguyên tắc: “*Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành*” (khoản 3 Điều 4)⁹. Nguyên tắc này cũng chính là nội dung nền tảng, chi phối các hoạt động quản lý nhà nước về môi trường.

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 dành hẳn một chương riêng quy định về ứng phó với BĐKH (Chương VII). Theo đó, Luật này đã có nhiều điểm tiến bộ vượt bậc khi bổ sung các quy định về thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn, lồng ghép nội dung ứng phó với BĐKH vào chiến lược, quy hoạch; quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về BĐKH, báo cáo quốc gia ứng phó với BĐKH; trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng như các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tổ chức thực hiện cam kết quốc tế về BĐKH và bảo vệ tầng ô-dôn¹⁰. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 cũng đã có những quy định phù hợp để xây dựng nền tảng thể chế phục vụ kiến tạo các mô hình phát triển bền vững như: kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế phát thải ít cacbon trong quy hoạch; hình thành các ngành kinh tế mới như: đầu tư vào vốn tự nhiên, công nghiệp môi trường, hình thành thị trường phát thải. Những quy định mới này đã góp phần đưa chính sách môi trường của Việt Nam hài hòa, tiệm cận với pháp luật quốc tế.

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 chú trọng đến nguồn lực bảo vệ môi trường, trong đó phân định các nội dung bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của trung ương và địa phương. Ví dụ: những nội dung thuộc trách nhiệm của trung ương như đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, BĐKH; kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học ứng phó với BĐKH; phát triển thị trường các-bon trong nước; xây dựng kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH; xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với BĐKH cấp quốc gia, cấp lĩnh vực; xây dựng tiêu chí xác định dự án đầu tư, nhiệm vụ thích ứng với BĐKH; xây dựng tiêu chí đánh giá rủi ro khí hậu; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do BĐKH cấp quốc gia, lĩnh vực; điều tra, thống kê, giám sát, đánh giá, lập danh mục chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính; đầu tư dự án chuyển đổi công nghệ loại trừ, giảm thiểu sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát, thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ môi trường, ứng phó với BĐKH và bảo vệ tầng ô-dôn; truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, hợp tác quốc tế về ứng phó BĐKH, tăng cường quản lý về môi trường...

Bên cạnh đó, Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 về ứng phó với BĐKH quy định rõ thêm các nội

⁸) Điều 170 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

⁹) Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 không có quy định về vấn đề này.

¹⁰) Xem: Chương VII từ Điều 90 - Điều 96 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

dung mà trước đây pháp luật còn bỏ ngỏ như đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do BĐKH; quy định về thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; ngoài ra còn quy định cụ thể danh mục, hướng dẫn sử dụng, thu gom, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát¹¹.

Ngày 13/4/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 450/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Thủ tướng đã phê duyệt 12 chương trình, kế hoạch, đề án: (1) Chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; (2) Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu; (3) Chương trình tăng cường năng lực quan trắc môi trường đến năm 2030; (4) Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí; (5) Đề án tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam; (6) Chương trình đầu tư, cải tạo hệ thống thoát nước và công trình xử lý nước thải sinh hoạt các đô thị từ loại V trở lên; (7) Xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với sông, hồ liên tỉnh có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường theo từng thời kỳ; (8) Đề án xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề đến năm 2030; (9) Kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng; (10) Chương trình bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp đến năm 2030; (11) Chương trình bảo vệ môi trường các di sản thiên nhiên; (12) Chương trình phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên đã bị suy thoái đến năm 2030.

Năm 2023, Luật Tài nguyên nước mới được ban hành tiếp tục ghi nhận và quy định rõ hơn các nội dung về bảo vệ môi trường nước như: chính sách của Nhà nước về tài nguyên nước; chiến lược tài nguyên nước quốc gia; căn cứ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; nguyên tắc lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; bảo vệ nguồn nước mặt; hành lang bảo vệ nguồn nước; dòng chảy tối thiểu; bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt; bảo vệ chất lượng nguồn nước trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, khai thác khoáng sản và các hoạt động khác; chuyển nước lưu vực sông...¹². Sau đó, Luật Đất đai năm 2024 đã có bước phát triển vượt bậc khi lồng ghép các nội dung về phòng, chống ô nhiễm môi trường, ứng phó với BĐKH trong các nội dung quy định về: nguyên tắc sử dụng đất; khuyến khích đầu tư vào sử dụng đất đai; bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; nguyên tắc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người, không còn khả năng tiếp tục sử dụng; đất ở tại đô thị; đất xây dựng khu chung cư; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản...¹³.

Như vậy, về cơ bản chúng ta đã có một hệ thống các quy định pháp luật nhằm bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành trước nguy cơ của BĐKH.

2. Thực trạng bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành trước nguy cơ của biến đổi khí hậu

Mặc dù pháp luật nước ta có nhiều quy định nhằm bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành, thế nhưng việc triển khai thi hành trên thực tế còn

¹¹ Điều 15 Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với BĐKH.

¹² Điều 4, Điều 11, Điều 13, Điều 14, Điều 21, Điều 23, Điều 24, Điều 26, Điều 27, Điều 37 Luật Tài nguyên nước năm 2023.

¹³ Điều 5, Điều 8, Điều 54, Điều 60, Điều 65, Điều 82, Điều 196, Điều 197, Điều 205, Điều 31 Luật Đất đai năm 2024.

chậm. Bên cạnh đó, tình trạng ô nhiễm môi trường nhiều năm kết hợp với những nguy cơ từ BĐKH chính là những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc người dân khó có khả năng thực hiện được quyền này trên thực tế.

Theo Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2021¹⁴ của Bộ Tài nguyên và Môi trường, công tác quản lý chất lượng môi trường không khí vẫn còn tồn tại những bất cập chưa được giải quyết, ô nhiễm môi trường không khí tại một số thành phố lớn vẫn tiếp diễn, có một số thời điểm chất lượng môi trường không khí tại một số địa phương ở mức xấu gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng và tăng trưởng kinh tế - xã hội. Kết quả đánh giá chất lượng không khí thông qua chỉ số VN_AQI¹⁵ cho thấy, tại các đô thị lớn ở miền Bắc, ghi nhận một số ngày trong năm có giá trị VN_AQI ở mức kém và xấu. Ô nhiễm bụi TSP¹⁶ biểu hiện rõ nhất tại các đô thị loại đặc biệt và các đô thị loại I, II.

Diễn hình như tại các trạm quan trắc môi trường không khí tự động liên tục ở Hà Nội, tính trung bình 04 năm (2018 - 2021) có 28,45% số ngày quan trắc có giá trị AQI đạt mức tốt, 47,10% ở mức trung bình, 5,70% ở mức xấu, thậm chí một số ngày chất lượng không khí ở ngưỡng rất xấu (VN_AQI = 201 - 300)¹⁷.

Tại TP. Hồ Chí Minh, kết quả quan trắc tại các điểm quan trắc gần trục giao thông đô thị hay khu vực xung quanh khu công nghiệp

ghi nhận giá trị nồng độ bụi TSP trung bình năm vượt ngưỡng của QCVN 05:2013/BTNMT. Ở khu vực nông thôn, về cơ bản, chất lượng môi trường không khí còn khá tốt. Giá trị nồng độ các thông số đặc trưng trong môi trường không khí hầu hết đều đạt QCVN 05:2013/BTNMT. Tuy nhiên, tại một số khu vực nông thôn bị ảnh hưởng bởi các hoạt động làng nghề, cụm công nghiệp xen kẽ trong khu dân cư cũng như hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng, đã có dấu hiệu ô nhiễm môi trường không khí cục bộ.

Năm 2024, Chính phủ đã báo cáo Quốc hội về công tác bảo vệ môi trường năm 2023 trên phạm vi cả nước. Theo đó, ô nhiễm không khí ở nước ta vẫn xảy ra vào một số thời điểm trong năm, tập trung tại các đô thị lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh..., nơi có mật độ giao thông cao và quá trình công nghiệp phát triển mạnh. Ô nhiễm chủ yếu vẫn là do thông số bụi, đặc biệt là bụi mịn PM_{2.5} và có biểu hiện mùa rõ rệt, diễn hình vào các tháng mùa đông ở miền Bắc và có xu hướng tăng so với trung bình năm 2022. Báo cáo cũng ghi nhận các điểm nóng về ô nhiễm môi trường nước trên các sông, nhánh sông thuộc lưu vực sông Nhuệ - Đáy và lưu vực sông Cầu; hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải; điểm từ cầu Ông Bằng đến cầu An Lộc trên sông Sài Gòn; điểm ô nhiễm trên sông Nhuệ, đoạn qua Hà Nội và các sông nội thành Hà Nội (Tô Lịch, Kim Ngưu, Sét...)¹⁸.

¹⁴ Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2021*, https://pcd.monre.gov.vn/Data/files/2023/03/20230217_Bao%20cao%20HTMT%20quoc%20gia%20nam%202021.pdf, truy cập ngày 12/8/2023.

¹⁵ AQI là chỉ số để công bố chất lượng không khí. AQI cho biết chất lượng không khí sạch hay đang bị ô nhiễm, những ảnh hưởng tới sức khỏe và đưa ra khuyến nghị đối với người dân khi ô nhiễm không khí gia tăng. AQI được tính toán dựa trên 5 chất ô nhiễm chính, bao gồm: Ô-dôn mặt đất (O₃), ô nhiễm hạt (bụi PM_{2.5} và PM₁₀), cacbon mônôxít (CO), lưu huỳnh đioxit (SO₂) và nitơ đioxit (NO₂). Lê Hoàng Anh, Vương Như Luận, Hướng dẫn cách tính chỉ số chất lượng không khí của Việt Nam (VN_AQI), Trung tâm quan trắc môi trường miền Bắc, <http://tapchimoitruong.vn/phap-luat--chinh-sach-16/>, truy cập ngày 12/8/2023.

¹⁶ Tổng bụi lơ lửng (TSP) là tổng các hạt bụi có đường kính khí động học nhỏ hơn hoặc bằng 100 mm (QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh).

¹⁷ Nguồn: Tổng cục Môi trường tổng hợp số liệu từ các trạm quan trắc tự động, liên tục truyền về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

¹⁸ Thế Lợi, *Chất lượng môi trường tại Việt Nam năm 2023*, <http://quanly.moitruongdothi.vn/28/27671/>, truy cập ngày 01/11/2024.

Ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường không khí và ô nhiễm môi trường nước là hai nguyên nhân cơ bản gây ảnh hưởng tới sức khỏe và tính mạng của con người. Theo Nghiên cứu gánh nặng bệnh tật toàn cầu năm 2019 (IMHE, 2019), ô nhiễm không khí đứng thứ năm trong các yếu tố nguy cơ hàng đầu gây tử vong và tàn tật ở Việt Nam, đứng sau các nguyên nhân như cao huyết áp, đường huyết, hút thuốc và chế độ ăn uống. Không khí bị ô nhiễm làm tăng nguy cơ mắc các bệnh nhiễm trùng cấp tính đường hô hấp dưới, đột quỵ, tim mạch, tắc nghẽn phổi mãn tính và ung thư phổi¹⁹. Số liệu thống kê của Bộ Y tế năm 2018 cho thấy, bệnh về đường hô hấp là một trong những bệnh có tỷ lệ mắc cao nhất trên toàn quốc²⁰ và mỗi năm nước ta có khoảng 9.000 người tử vong do sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm, trong đó có hơn 200.000 trường hợp bị ung thư do sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm²¹.

Môi trường tự nhiên đang bị suy thoái và ô nhiễm²², quản lý nhà nước về môi trường chưa thực sự hiệu quả²³, trong khi đó các nguy cơ từ BĐKH ngày càng hiện hữu, đe dọa trực tiếp tới sức khỏe, tính mạng của con người. Báo cáo về chỉ số rủi ro khí hậu dài hạn năm 2019 của Germanwatch tại Hội nghị lần thứ 24 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH (COP24) thì Việt Nam là quốc gia đứng thứ sáu trong số 10 quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất do

BĐKH²⁴. BĐKH đang diễn ra sớm và mạnh hơn so với dự báo, các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng nhiều²⁵. BĐKH đang làm cho nhiệt độ tăng cao, nắng nóng khắc nghiệt; mực nước biển dâng do tan băng ở các vùng cực; axit hoá đại dương, bão xoáy nhiệt đới dữ dội²⁶... Những thay đổi trong điều kiện khí hậu thay đổi, lượng carbon dioxide tăng nhanh chóng đang hủy diệt hệ sinh thái tự nhiên, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn cung cấp nước ngọt, không khí, nhiên liệu, năng lượng sạch, thực phẩm và sức khỏe của con người.

Những vấn đề trên đang là những nguy cơ trực tiếp ảnh hưởng đến việc người dân thực hiện quyền được sống trong môi trường trong lành dù quyền này là quyền hiến định.

3. Một số kiến nghị để bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành trước nguy cơ của biến đổi khí hậu

Thứ nhất, nghiên cứu xây dựng, ban hành Luật Biến đổi khí hậu.

Hiện nay, ngoài các quy định về ứng phó với BĐKH được quy định chung từ Điều 90 đến Điều 96 tại Chương VII Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì các quy định còn lại về ứng phó với BĐKH nằm tản mạn trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác như Luật Quy hoạch năm 2017; Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2018, 2019, 2020); Luật Đất đai năm 2024; Luật

¹⁹ Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2021*, tđđ, tr.71.

²⁰ Niên giám Thống kê Y tế năm 2018.

²¹ *Thực trạng ô nhiễm môi trường tại Việt Nam hiện nay*, <https://moitruonghopnhat.com/thuc-trang-o-nhiem-moi-truong-tai-viet-nam-hien-nay-2589.html>, truy cập ngày 05/8/2023.

²² Nguyễn Mạnh, *Những vấn đề môi trường cấp bách hiện nay: Thực trạng và giải pháp*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/bao-ve-moi-truong/-/2018/825770/nhung-van-de-moi-truong-cap-bach-hien-nay--thuc-trang-va-giai-phap.aspx>, truy cập ngày 05/8/2023.

²³ Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2021*, tđđ, tr.71.

²⁴ Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam 2012, 2016*.

²⁵ Theo đánh giá về những nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan giai đoạn 1997 - 2016, Việt Nam đứng thứ 5 về Chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu và thứ 8 về Chỉ số rủi ro khí hậu dài hạn (Eckstein và cộng sự, 2018), Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia*, Nxb. Dân trí, tr.33.

²⁶ Hà Anh, *Những tác động nghiêm trọng của biến đổi khí hậu*, <https://moitruong.net.vn/nhung-tac-dong-nghiem-trong-cua-bien-doi-khi-hau-56283.html>, truy cập ngày 12/8/2023.

Tài nguyên nước năm 2023... Nhìn chung, nội dung về ứng phó với BĐKH trong các luật chuyên ngành chỉ giới hạn trong việc lập quy hoạch quốc gia, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành hoặc quy định chung chứ chưa có những quy định và giải pháp cụ thể để ứng phó với BĐKH. Các văn bản về phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường còn thiếu sự đồng bộ với Luật Bảo vệ môi trường. Ngoài ra, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy, nhiều nước đã xây dựng và ban hành luật về BĐKH như: Luật Thúc đẩy các biện pháp ứng phó với sự ấm lên toàn cầu năm 1998 của Nhật Bản²⁷, Luật BĐKH năm 2008 của Anh, Luật BĐKH của Philippines²⁸, Luật Ứng phó BĐKH của New Zealand²⁹, Luật BĐKH của Mexico³⁰... Luật BĐKH được ban hành là cơ sở pháp lý quan trọng để các quốc gia thực hiện các giải pháp ứng phó BĐKH³¹ từ đó đảm bảo tốt hơn quyền con người trên thực tế. Trước những yêu cầu và đòi hỏi từ thực tiễn và việc thực hiện các cam kết quốc tế

Việt Nam³² mà vấn đề xây dựng Luật BĐKH ngày càng trở nên cần thiết.

Thứ hai, bảo đảm quyền con người trong chính sách, pháp luật về BĐKH gắn với bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về môi trường³³.

Quyền tiếp cận thông tin về môi trường, một trong những quyền cơ bản của con người, thuộc nhóm quyền dân sự và chính trị. Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về Môi trường và Phát triển năm 1992 tại Rio de Janeiro, Brazil đã tuyên bố rằng: “*Con người có quyền được sống một cuộc sống hữu ích và lành mạnh hài hòa với thiên nhiên*”, “*Vấn đề môi trường phải được giải quyết một cách tốt nhất với sự tham gia của tất cả các cá nhân liên quan, ở cấp độ thích hợp. Cấp độ quốc gia, mỗi cá nhân sẽ được tiếp cận thông tin thích hợp liên quan đến môi trường do các cơ quan công quyền lưu giữ bao gồm cả thông tin về các chất và các hoạt động nguy hiểm trong cộng đồng và có cơ hội tham gia trong quá trình ban hành các quyết định*”³⁴. Để việc thực thi các

²⁷ Japan, *Act on Promotion of Global Warming Countermeasures*, 1998.

²⁸ Philippines, *Climate Change Act of 2009*, 2009.

²⁹ New Zealand, *Climate Change Response Act*, 2002.

³⁰ Mexico, *General Law on Climate Change*, 2012.

³¹ Nguyễn Thị Minh Huệ, Hoàng Thị Thảo, Nguyễn Hùng Minh, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Nguyễn Hữu Tài, Trung tâm Ứng phó biến đổi khí hậu, Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Nghiên cứu đánh giá Luật Biến đổi khí hậu của một số quốc gia trên thế giới và những kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Môi trường, số 10/2021.

³² Việt Nam tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH (UNFCCC), Nghị định thư Kyoto cho đến Thỏa thuận Paris với cam kết: Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) “...bằng nguồn lực trong nước, đến năm 2030 Việt Nam sẽ giảm 9% tổng lượng phát thải KNK so với kịch bản phát triển thông thường và tăng đóng góp lên tới 27% khi có hỗ trợ quốc tế thông qua hợp tác song phương, đa phương và thực hiện các cơ chế mới theo Thỏa thuận Paris...”.

³³ Thông tin về môi trường bao gồm: a) Thông tin về chất ô nhiễm, dòng thải các chất ô nhiễm ra môi trường, nguồn ô nhiễm; công tác bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; b) Thông tin về chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải và các loại chất thải khác theo quy định của pháp luật; c) Thông tin về quyết định phê duyệt kết quả thẩm định, báo cáo đánh giá tác động môi trường, trừ bí mật thương mại, bí mật kinh doanh, thông tin thuộc bí mật nhà nước; nội dung cấp phép, đăng ký, chứng nhận, xác nhận; kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định; d) Thông tin về chỉ tiêu thống kê môi trường, chất lượng môi trường, ô nhiễm môi trường; đ) Thông tin về di sản thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên, loài sinh vật và nguồn gen; khu bảo tồn thiên nhiên và cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; vùng đất ngập nước quan trọng (Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020).

³⁴ Xem tại: <https://vesdec.com.vn/index.php?language=vi&nv=env&op=Tin-the-gioi/Tuyen-bo-cua-Lien-hop-quoc-ve-moi-truong-va-phat-trien-21>.

quy định pháp luật về BDKH bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của người dân thì quyền tiếp cận thông tin môi trường về BDKH được xem là một công cụ hữu hiệu. Theo quy định của pháp luật hiện hành, hiện nay người dân có thể tiếp cận thông tin về BDKH bằng cách:

Một là, các cơ quan nhà nước, chủ dự án đầu tư, các cơ sở sản xuất kinh doanh... chủ động công khai thông tin theo quy định - đây là phương thức chủ yếu ở Việt Nam hiện nay³⁵. Với phương thức này, người dân có thể dễ dàng tiếp cận thông tin mà không phải thực hiện những thủ tục phức tạp, tốn kém nhưng nó cũng có hạn chế là nội dung và chất lượng thông tin lại phụ thuộc vào ý chí chủ quan của các chủ thể cung cấp nên đôi khi người dân không tiếp cận được thông tin mà họ cần.

Hai là, người dân có thể yêu cầu cơ quan nhà nước, các cơ sở sản xuất kinh doanh cung cấp thông tin về môi trường thông qua quyền yêu cầu cung cấp thông tin môi trường của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp³⁶, của đại diện cộng đồng dân cư³⁷. Tuy nhiên, phương thức này cũng khó thực hiện trên thực tế vì pháp luật quy định giới hạn thông tin mà người dân được chủ động yêu cầu cung cấp, thủ tục yêu cầu cung cấp phức tạp (phải thông qua người đại diện cộng đồng dân cư hoặc những tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp)...

Ba là, tổ chức, cá nhân có thể chủ động yêu cầu cung cấp thông tin thông qua các

hình thức như: thông qua dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ dữ liệu số; theo thỏa thuận giữa tổ chức, cá nhân với cơ quan quản lý thông tin môi trường hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin. Theo đó, việc cung cấp thông tin môi trường theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin, pháp luật về sở hữu trí tuệ và quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường³⁸. Có thể nói, những quy định của pháp luật hiện hành tiến bộ hơn rất nhiều so với Luật Bảo vệ môi trường năm 2014³⁹ và phù hợp hơn với quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin về môi trường, nhưng cần có cơ chế để bảo đảm quyền này của người dân. Bởi thực tế hiện nay cho thấy, hầu hết các địa phương đã và đang xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường nhưng chưa đồng bộ, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa có sự kết nối với nhau. Hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường chưa được kết nối liên thông giữa Trung ương và địa phương, giữa các địa phương với nhau nên việc quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu gặp nhiều bất cập⁴⁰. Vì vậy, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cần tiếp tục thực hiện nhiệm vụ “xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương trong giai đoạn

³⁵ Điều 102 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

³⁶ Điều 158 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

³⁷ Điều 159 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

³⁸ Điều 101 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm.

³⁹ TS. Thái Thị Tuyết Dung, *Pháp luật về quyền tiếp cận thông tin môi trường ở Việt Nam*, <https://iluatsu.com/moi-truong/phap-luat-ve-quyen-tiep-can-thong-tin-moi-truong-o-viet-nam/>, truy cập ngày 05/10/2022.

⁴⁰ Anh Cẩm, *Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin*, <http://tnmt.danang.gov.vn/tin-tuc-su-kien/chi-tiet?id=2629&u=xaydunghoanthienecosoduliecutainguyenvnvaomoitruongketnoilienthongvoicachethongthongtin>, truy cập ngày 05/10/2022.

2019 - 2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025” được đề cập trong Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 -2020, định hướng đến 2025. Việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo nền tảng Chính phủ điện tử được hoàn thành, kết nối, chia sẻ trên toàn quốc mà còn góp phần bảo đảm thông tin được công khai, minh bạch trên thực tế.

Thứ ba, bảo đảm quyền con người gắn với xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có lồng ghép nội dung ứng phó với BĐKH.

Hiện nay, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có quy định về đối tượng phải lồng ghép nội dung ứng phó với BĐKH cũng chính là những đối tượng phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược như: Quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch không gian biển quốc gia; quy hoạch sử dụng đất quốc gia; quy hoạch vùng; quy hoạch tỉnh; quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; Chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quy mô quốc gia, cấp vùng, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có tác động lớn đến môi trường thuộc danh mục do Chính phủ quy định. Luật Quy hoạch năm 2017 cũng quy định hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch được xây dựng, vận hành thống nhất trên phạm vi cả nước phục vụ cho hoạt động quy hoạch, bao gồm hồ sơ quy hoạch, các dữ liệu về tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường, BĐKH, quốc phòng, an ninh gắn với hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên (Điều 41). Việc lồng ghép nội dung thích ứng và giảm nhẹ tác

động của BĐKH vào chiến lược, quy hoạch sẽ mang lại nhiều lợi ích về kinh tế - xã hội và môi trường. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, do thiếu hệ thống thông tin chi tiết về BĐKH nói chung nên việc lập quy hoạch đôi khi chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Việc thiếu thông tin cũng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả công việc của các cơ quan nhà nước, đến năng lực thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

Vì vậy, việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu để có cơ sở lồng ghép nội dung ứng phó với BĐKH vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội là cần thiết. Bên cạnh đó, chúng ta cần tổ chức các buổi tập huấn để nâng cao nhận thức và năng lực chuyên môn cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia. Ngoài ra, chúng ta nên thiết lập cơ chế điều phối hoạt động lồng ghép nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích trước mắt và lâu dài khi thực hiện lồng ghép nội dung ứng phó với BĐKH vào chiến lược, quy hoạch⁴¹, thường xuyên cập nhật kịp thời các nội dung của chiến lược, quy hoạch để phù hợp hơn với việc thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Thứ tư, bảo đảm quyền con người trong chính sách, pháp luật về BĐKH gắn với quản lý phát thải khí nhà kính, thu hồi năng lượng từ chất thải trong sản xuất và tiêu thụ thân thiện môi trường, trong phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

Để bảo đảm thực hiện được các nội dung này, các cơ sở công nghiệp ngay từ khi các dự án được xây dựng phải tiến hành hoạt động đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), đánh giá tác động môi trường (ĐMT) hoặc cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường. Ngoài ra, tổ chức, cá nhân phải trả tiền dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên khi có hoạt động sản xuất,

⁴¹ Ý kiến của ông Nguyễn Sỹ Linh, Viện Chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường. Dẫn theo: Phạm Oanh, *Lồng ghép, ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch*, <https://baotainguyenmoitruong.vn/long-ghiep-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-va-chieu-luoc-quy-hoach-335264.html>, truy cập ngày 16/9/2022.

kinh doanh có phát thải khí nhà kính phải sử dụng dịch vụ hấp thụ và lưu trữ các-bon của hệ sinh thái để thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính⁴². Đối với các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc danh mục quy định tại khoản 3 Điều 91 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và có quyền trao đổi, mua bán trên thị trường các-bon trong nước⁴³. Bên cạnh đó, chúng ta cần thêm những chính sách phù hợp như có các quy định về ưu đãi tài chính để khuyến khích các cơ sở kinh doanh đầu tư đổi mới công nghệ để giảm bớt việc phát thải khí nhà kính và những chất thải nguy hại ra môi trường; thu hồi năng lượng từ chất thải; khuyến khích việc sử dụng các nguồn năng lượng sạch và các sản phẩm tái chế...

Thứ năm, bảo đảm quyền con người trong chính sách, pháp luật về BĐKH gắn với hoạt động khai thác bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tài nguyên thiên nhiên phong phú và có nhiều tiềm năng để khai thác, sử dụng như: tài nguyên khí hậu, tài nguyên đất, tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, tài nguyên biển và đa dạng

sinh học⁴⁴. Tuy nhiên, việc khai thác quá mức các nguồn tài nguyên, đặc biệt là các nguồn tài nguyên không tái tạo như hiện nay đang có những tác động tiêu cực đến môi trường, làm gia tăng BĐKH.

Ví dụ: hiện nay một trong những cách giúp giảm bớt khí nhà kính, hạn chế tác động của BĐKH chính là trồng rừng, bảo vệ rừng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, chính sách, pháp luật về lâm nghiệp còn chưa đồng bộ⁴⁵; quy hoạch rừng chưa phù hợp dẫn đến tình trạng chồng chéo quy hoạch giữa rừng sản xuất với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng ảnh hưởng đến công tác bảo tồn, phát triển rừng cũng như bảo đảm nguồn thu nhập chính đáng cho người dân⁴⁶...; các vụ phá rừng tự nhiên diễn ra ngày càng nhiều và đang có xu hướng gia tăng⁴⁷... Ngoài ra, hoạt động khai thác các nguồn tài nguyên khác cũng còn nhiều bất cập, trong đó có hoạt động khai thác khoáng sản⁴⁸. Chính vì vậy, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần nhanh chóng rà soát các chính sách, pháp luật hiện hành để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật; bảo đảm lồng ghép việc khai thác, sử dụng tài nguyên hợp lý trong các quy hoạch, kế hoạch để hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế bền vững gắn với bảo vệ môi trường■

⁴² Điểm c khoản 4 Điều 138 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

⁴³ Khoản 2 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

⁴⁴ Theo thống kê, đến nay trong thiên nhiên có tới 7,5 nghìn loài vi sinh vật, 16,4 nghìn loài thực vật, 10,3 nghìn loài động vật trên cạn, 2 nghìn loài thủy sinh nước ngọt, trên 11 nghìn loài sinh vật biển. Dẫn theo: TS. Nguyễn Đình Đáp, TS. Nguyễn Thị Bích Nguyệt, Tạp chí Tài chính, kỳ 1 tháng 10/2021, https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvstc/pages_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM212696, truy cập ngày 06/10/2022.

⁴⁵ Theo Báo điện tử Lào Cai, Hội thảo “*Kết quả và bất cập trong thực hiện chính sách lâm nghiệp*”, <http://cirum.org/vn/info/tin-tuc/hoi-thao-ket-qua-va-bat-cap-trong-thuc-hien-chinh-sach-lam-nghiep-410.html>, truy cập ngày 06/10/2022.

⁴⁶ Minh Phương - Dương Hưng, *Bất cập trong quy hoạch rừng: “bài toán” chưa được giải xong*, <https://baothainguyen.vn/tin-tuc/kinh-te/bat-cap-trong-quy-hoach-rung-%E2%80%9Cbai-toan%E2%80%9D-chua-duoc-giai-xong-289628-108.html>, truy cập ngày 06/10/2022.

⁴⁷ An Khánh, *Quản lý, bảo vệ rừng: Khắc phục bất cập trong xử lý vi phạm*, <http://baobacgiang.com.vn/bg/kinh-te/365129/quan-ly-bao-ve-rung-khac-phuc-bat-cap-trong-xu-ly-vi-pham.html>, truy cập ngày 06/10/2022.

⁴⁸ Phạm Oanh, *Tăng cường công tác quản lý, xử lý nghiêm hoạt động khai thác khoáng sản trái phép*, <https://baotainguyenmoitruong.vn/tang-cuong-cong-tac-quan-ly-xu-ly-nghiem-hoat-dong-khai-thac-khoang-san-trai-phiep-344512.html>, truy cập ngày 06/10/2022.